

Phạm vi - Quyền lợi bảo hiểm (VND)

1. Điều trị nội trú (Phạm vi bảo hiểm chính)	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho điều trị nội trú	2.200.000.000	6.600.000.000	22.000.000.000
Tất cả chi phí nằm viện Bao gồm chi phí phẫu thuật, phòng mổ, trang thiết bị phẫu thuật, nghiên cứu, chăm sóc y tế v.v...	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Tiền phòng và ăn uống – theo ngày.	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 5.500.000	Phòng đơn tiêu chuẩn lên đến 7.150.000	Phòng đơn tiêu chuẩn
Phòng săn sóc đặc biệt – theo ngày.	16.500.000	16.500.000	Toàn bộ
Giường cho người nhà - theo ngày.	2.200.000	3.960.000	Toàn bộ
Điều trị ung thư: Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày tại bệnh viện. Tối đa cho một năm hợp đồng.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị trong ngày: Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện. Tối đa cho một năm hợp đồng.	110.000.000	Toàn bộ	Toàn bộ
Dịch vụ xe cấp cứu : Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ Bệnh viện tại địa phương.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí cấy ghép bộ phận: Đối với thận, tim, gan và tủy xương. Tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí điều trị trước và sau khi nằm viện Chi phí ngoại trú trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và 90 ngày ngay sau khi xuất viện. Tối đa cho mỗi lần nằm viện.	33.000.000	44.000.000	110.000.000
Điều trị tại khoa cấp cứu: Các dịch vụ được thực hiện tại khoa cấp cứu hoặc phòng cấp cứu của Bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Y tá chăm sóc tại nhà Tối đa 182 ngày cho một năm hợp đồng.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Tâm lý trị liệu: Tối đa là 30 ngày nằm viện cho một năm hợp đồng, sau 24 tháng chờ. Tối đa cho một năm hợp đồng.	Không áp dụng	Không áp dụng	220.000.000

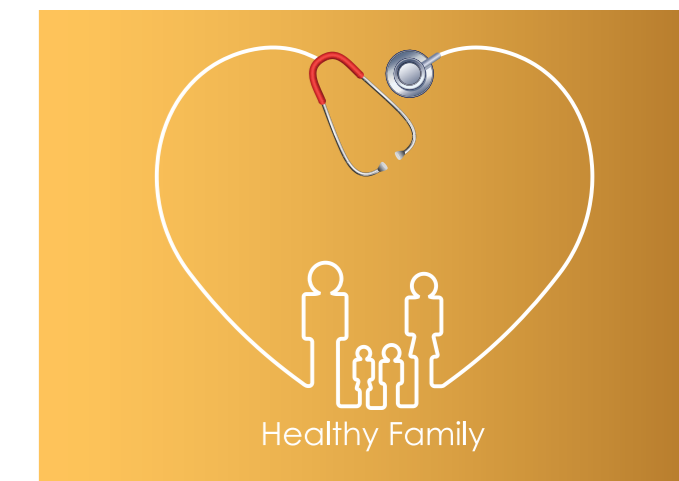
Điều trị nha khoa khẩn cấp: Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện răng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật. Tối đa cho một năm hợp đồng.	220.000.000	440.000.000	1.100.000.000
AIDS/HIV: Xảy ra trong thời gian hiệu lực hợp đồng, bao gồm những năm tái tục và xuất hiện sau khi hợp đồng liên tục trong 5 năm kể từ ngày hiệu lực đầu tiên.	10% giới hạn bảo hiểm tối đa /suốt đời	10% giới hạn bảo hiểm tối đa /suốt đời	10% giới hạn bảo hiểm tối đa /suốt đời
Vận chuyển y tế cấp cứu / Hồi hương.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Vận chuyển thi hài về quê quán.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Thông tin và hỗ trợ về y tế/pháp luật.	24/24 giờ	24/24 giờ	24/24 giờ
Trợ cấp thăm bệnh.	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông
Đưa trẻ em về quê quán.	1 vé bay một chiều hạng phổ thông	1 vé bay một chiều hạng phổ thông	1 vé bay một chiều hạng phổ thông
2. Điều trị ngoại trú (Phạm vi bảo hiểm bổ sung tùy chọn, tham gia cùng điều trị nội trú)	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho điều trị ngoại trú	110.000.000	110.000.000	Toàn bộ trong giới hạn tối đa cho quyền lợi nội trú
Điều trị ngoại trú tổng quát.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Điều trị ngoại trú chuyên khoa.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Xét nghiệm và chụp X quang (theo chỉ định bác sĩ).	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Thuốc theo đơn kê (theo chỉ định bác sĩ).	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Chi phí chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu đông y (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 10 lần điều trị trong năm).	990.000 cho một lần điều trị	990.000 cho một lần điều trị	990.000 cho một lần điều trị
Vật lý trị liệu và nắn khớp xương (theo chỉ định bác sĩ) (Tối đa cho mỗi lần điều trị, tối đa 15 lần điều trị trong năm).	1.320.000 cho một lần điều trị	1.320.000 cho một lần điều trị	1.320.000 cho một lần điều trị
Liệu pháp thay thế nội tiết tố. Tối đa cho một năm hợp đồng.	44.000.000	44.000.000	44.000.000
Kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa/khám sức khỏe cho việc cấp giấy phép lao động. Tối đa cho một năm hợp đồng.	3.000.000	3.000.000	3.000.000

3. Chăm sóc nha khoa (Phạm vi bảo hiểm bổ sung tùy chọn, tham gia cùng điều trị ngoại trú)	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho chăm sóc nha khoa	33.000.000	33.000.000	33.000.000
Kiểm tra răng định kỳ (bao gồm cạo vôi & đánh bóng) (một lần trong năm, tối đa cho một năm hợp đồng).	2.200.000	2.200.000	2.200.000
Quyền lợi nha khoa cơ bản Nhổ răng, trám amalgam, chụp X quang, lấy cao răng.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Quyền lợi nha khoa chủ yếu Sau 9 tháng được bảo hiểm: Nhổ răng mọc bất thường, lấy tủy, cắt u răng, cắt cuống răng Sau 12 tháng được bảo hiểm: Mão sứ, cầu răng, răng giả.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
4. Thai sản (Phạm vi bảo hiểm bổ sung tùy chọn tham gia cùng điều trị nội trú)	Chương trình H1 Classic	Chương trình H2 Executive	Chương trình H3 Premier
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho thai sản	110.000.000	110.000.000	110.000.000
Chi phí trước và sau khi sinh, chi phí sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh 30 ngày. Thời gian chờ cho việc mang thai là 90 ngày kể từ ngày hiệu lực hợp đồng.	Toàn bộ	Toàn bộ	Toàn bộ
Giới hạn phụ ngoài giới hạn bảo hiểm tối đa cho thai sản được áp dụng cho chăm sóc nhi khoa vì lý do y tế (bao gồm trong giới hạn 30 ngày nêu trên).	44.000.000	44.000.000	44.000.000

Lợi thế bảo hiểm

- Thanh toán chi phí y tế cho tai nạn và bệnh tật.
- Khám và chữa bệnh tại Việt Nam và nước ngoài.
- Không giới hạn chi phí điều trị và số ngày nằm viện.
- Được hỗ trợ y tế khẩn cấp toàn cầu bởi International SOS qua đường dây nóng (84-28) 38 247 123.
- Miễn phí kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa.
- Chi trả toàn bộ chi phí phẫu thuật, điều trị bệnh ung thư, dịch vụ xe cấp cứu, cấy ghép bộ phận cơ thể, dịch vụ y tá chăm sóc tại nhà.
- Vận chuyển y tế cấp cứu và hồi hương ở Việt Nam và nước ngoài.
- Không áp dụng thời gian chờ cho bệnh đặc biệt.
- Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám.
- Được yêu cầu bồi thường trực tiếp từ Liberty, giúp giảm bớt áp lực hành chính cho các công ty.
- Thủ tục bồi thường minh bạch, công bằng và nhanh chóng thông qua Dịch vụ khách hàng 24/7 (miễn cước)

☎ecall 1800 599 998



Tìm hiểu ngay

☎ 1800 5858 88

- 📍 Chi nhánh/Phòng giao dịch
- 🌐 sacombank.com.vn
- ✉ ask@sacombank.com

Biểu phí (ĐVT 1.000 VND)

Vùng 1: Toàn cầu, có áp dụng mức miễn thường là 44.000.000 VND đối với mỗi bệnh điều trị ở Mỹ/Canada

Tuổi	Phạm vi bảo hiểm chính			Phạm vi bảo hiểm bổ sung tùy chọn			
	Điều trị nội trú			Điều trị ngoại trú		Nha khoa	Thai sản
	H1 Classic	H2 Executive	H3 Premier	Không áp dụng mức miễn thường	Có áp dụng mức miễn thường (*)		
15 ngày - 5 tuổi	11.205	13.307	18.208	22.565	17.358	8.395	—
6 - 17	10.376	12.321	16.860	20.147	15.498	8.395	—
18 - 24	10.403	12.352	16.903	14.984	11.526	8.395	13.332
25 - 29	10.869	12.907	17.663	16.702	12.848	8.395	16.699
30 - 34	12.125	14.398	19.702	17.913	13.779	8.395	16.699
35 - 39	15.540	18.454	25.253	22.381	17.216	8.395	14.678
40 - 44	19.515	23.174	31.712	25.311	19.470	8.395	14.678
45 - 49	24.107	28.628	39.175	30.659	23.584	8.395	—
50 - 54	29.923	35.534	48.627	33.060	25.431	8.395	—
55 - 59	38.401	45.601	62.401	40.807	31.390	8.395	—
60 - 64	51.882	61.609	84.305	54.233	41.718	8.395	—
65 - 69 (**)	72.125	85.647	117.202	67.148	51.652	8.395	—
70 - 74 (**)	118.986	141.295	193.350	101.578	78.137	8.395	—

Vùng 2 : Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Indonesia và Philippines

Tuổi	Điều trị nội trú			Điều trị ngoại trú		Nha khoa	Thai sản
	H1 Classic	H2 Executive	H3 Premier	Không áp dụng mức miễn thường	Có áp dụng mức miễn thường (*)		
15 ngày - 5 tuổi	9.095	10.801	14.780	18.548	14.268	7.632	—
6 - 17	8.422	10.001	13.685	16.562	12.740	7.632	—
18 - 24	8.443	10.027	13.720	12.316	9.474	7.632	12.120

25 - 29	8.822	10.476	14.336	13.729	10.561	7.632	15.181
30 - 34	9.842	11.688	15.993	14.724	11.326	7.632	15.181
35 - 39	12.614	14.979	20.497	18.399	14.153	7.632	13.344
40 - 44	15.840	18.810	25.740	20.807	16.005	7.632	13.344
45 - 49	19.568	23.236	31.798	25.202	19.386	7.632	—
50 - 54	24.289	28.843	39.469	27.178	20.906	7.632	—
55 - 59	31.169	37.013	50.650	33.545	25.804	7.632	—
60 - 64	42.111	50.007	68.430	44.582	34.294	7.632	—
65 - 69 (**)	58.542	69.519	95.131	55.198	42.460	7.632	—
70 - 74 (**)	96.579	114.687	156.940	83.502	64.232	7.632	—

Vùng 3: Toàn cầu

Tuổi	Điều trị nội trú			Điều trị ngoại trú		Nha khoa	Thai sản
	H1 Classic	H2 Executive	H3 Premier	Không áp dụng mức miễn thường	Có áp dụng mức miễn thường (*)		
15 ngày - 5 tuổi	12.223	14.516	19.864	24.617	18.936	9.158	—
6 - 17	11.320	13.441	18.392	21.979	16.907	9.158	—
18 - 24	11.348	13.475	18.439	16.346	12.574	9.158	14.544
25 - 29	11.857	14.081	19.268	18.221	14.016	9.158	18.217
30 - 34	13.228	15.707	21.493	19.540	15.031	9.158	18.217
35 - 39	16.952	20.131	27.548	24.415	18.781	9.158	16.013
40 - 44	21.289	25.280	34.595	27.612	21.240	9.158	16.013
45 - 49	26.298	31.230	42.737	33.446	25.728	9.158	—
50 - 54	32.644	38.765	53.047	36.066	27.743	9.158	—
55 - 59	41.892	49.746	68.074	44.516	34.243	9.158	—
60 - 64	56.598	67.210	91.969	59.163	45.510	9.158	—
65 - 69 (**)	78.682	93.433	127.856	73.251	56.347	9.158	—
70 - 74 (**)	129.803	154.140	210.928	110.813	85.241	9.158	—

Vùng 4: Toàn cầu (loại trừ Mỹ và Canada)

Tuổi	Điều trị nội trú			Điều trị ngoại trú		Nha khoa	Thai sản
	H1 Classic	H2 Executive	H3 Premier	Không áp dụng mức miễn thường	Có áp dụng mức miễn thường (*)		
15 ngày - 5 tuổi	10.186	12.097	16.553	20.514	15.780	7.632	—
6 - 17	9.433	11.201	15.327	18.316	14.089	7.632	—
18 - 24	9.457	11.229	15.366	13.621	10.478	7.632	12.120
25 - 29	9.881	11.734	16.057	15.184	11.680	7.632	15.181
30 - 34	11.023	13.089	17.911	16.284	12.526	7.632	15.181
35 - 39	14.127	16.776	22.957	20.346	15.651	7.632	13.344
40 - 44	17.741	21.067	28.829	23.010	17.700	7.632	13.344
45 - 49	21.915	26.025	35.614	27.872	21.440	7.632	—
50 - 54	27.203	32.304	44.206	30.055	23.119	7.632	—
55 - 59	34.910	41.455	56.728	37.097	28.536	7.632	—
60 - 64	47.165	56.008	76.641	49.303	37.925	7.632	—
65 - 69 (**)	65.568	77.861	106.547	61.043	46.956	7.632	—
70 - 74 (**)	108.169	128.450	175.773	92.344	71.034	7.632	—

Đối tượng khách hàng tham gia bảo hiểm

Công dân Việt Nam và người nước ngoài thường trú tại Việt Nam có độ tuổi từ 15 ngày tuổi đến 64 tuổi, và được mở rộng đến 74 tuổi đối với Hợp đồng tái tục.

Phương thức tham gia bảo hiểm

- Hợp đồng bảo hiểm cá nhân: Dành cho người từ đủ 18 tuổi trở lên.
- Hợp đồng bảo hiểm gia đình: Dành cho một nhóm từ 02 người trở lên, bao gồm vợ, chồng, con hợp pháp.
- Hợp đồng bảo hiểm Nhóm Doanh nghiệp/Tổ chức: Dành cho một nhóm từ 02 người trở lên, bao gồm các nhân viên đang làm việc toàn thời gian tại cùng một Doanh nghiệp/Tổ chức và người phụ thuộc/người thân của nhân viên.

Phạm vi địa lý được bảo hiểm

Toàn cầu hoặc tự chọn vùng bảo hiểm.

GHI CHÚ :

(*) Mức miễn thường tiêu chuẩn đối với điều trị ngoại trú là 550.000 VND cho mỗi lần khám. (Mức miễn thường là phần chi phí mà người được bảo hiểm có nghĩa vụ phải thanh toán theo quy định tại bản tóm tắt Hợp đồng bảo hiểm.)

(**) Chỉ áp dụng cho Khách hàng tái tục Hợp đồng bảo hiểm.



Sacombank
CARE

GÓI BẢO HIỂM SỨC KHỎE CAO CẤP

